

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm mạnh

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, cùng chiều với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

KBC, FMC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ gia tăng tỷ trọng trading quanh các ngưỡng hỗ trợ gần của cổ phiếu mục tiêu nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

03/01/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,043.90	+3.66
VN30	1,047.25	+4.18
HĐTL VN30F1M	1,045.50	+4.08
HNXIndex	212.56	+3.53
HNX30	352.91	+6.59
UPCoM	72.40	+1.05
USD/VND	23,539	-0.40
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.78	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.72	+17
Dầu (WTI, \$)	80.84	+0.72
Vàng (LME, \$)	1,837.25	+0.73



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,043.90 (+3.66%)
KLGD (triệu CP) 518.1 (+58.8%)
GTGD (triệu US\$) 392.9 (+25.1%)

HNXIndex 212.56 (+3.53%)
KLGD (triệu CP) 159.6 (+315.4%)
GTGD (triệu US\$) 35.7 (+78.9%)

UPCoM 72.40 (+1.05%)
KLGD (triệu CP) 33.8 (-11.8%)
GTGD (triệu US\$) 16.0 (+59.6%)

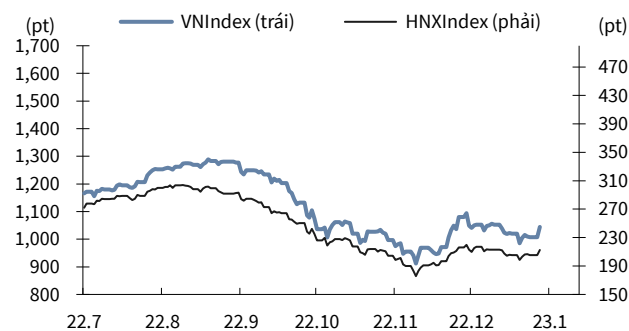
NDTNN mua ròng (triệu US\$) +10.9

TTCK tăng điểm mạnh với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng cao. Khối ngoại mua ròng ở HPG (+6.9%), VNM (+3.2%), MSN (+3.2%).

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết năm 2022, mặc dù chịu ảnh hưởng lớn của dịch COVID-19 và kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, xuất khẩu sao su của Việt Nam vẫn tăng trưởng khả quan. Theo ước tính, năm 2022, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt khoảng 2.1 triệu tấn, trị giá 3,3 tỷ USD, tăng 9,6% về lượng và tăng hơn 1% về trị giá so với năm 2021, cổ phiếu ngành cao su tăng ở PHR (+4.1%), GVR (+5.8%).

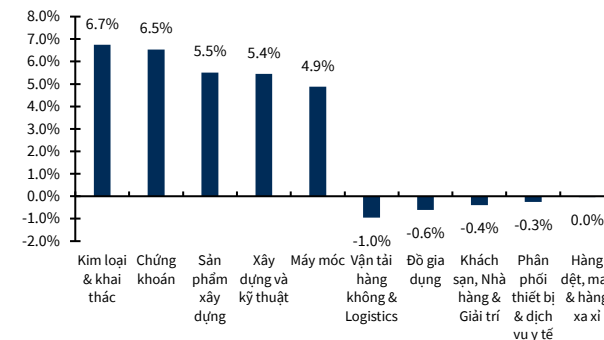
Hiệp hội Dệt may đặt ra mục tiêu kim ngạch xuất khẩu dệt may năm 2023 tăng cao hơn mức đạt kỷ lục của năm 2022. Theo đó, kịch bản tích cực là xuất khẩu dệt may có thể đạt 47 – 48 tỉ đô la và kịch bản kém tích cực hơn là đạt khoảng 45 – 46 tỉ đô la, tức vẫn cao hơn mức hơn 44 tỉ đô la của năm 2022, cổ phiếu ngành dệt may tăng TNG (+8.3%), TCM (3.8%).

VNIndex & HNXIndex



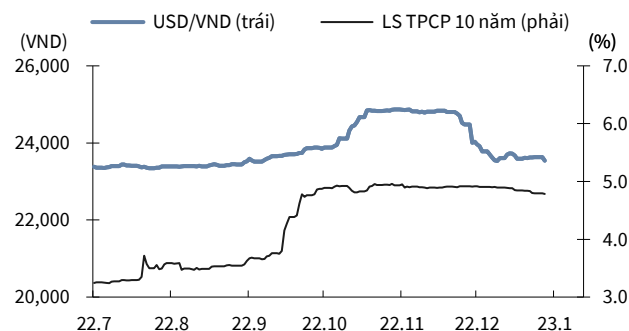
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



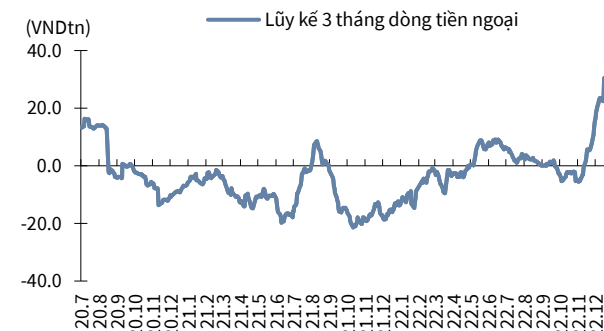
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

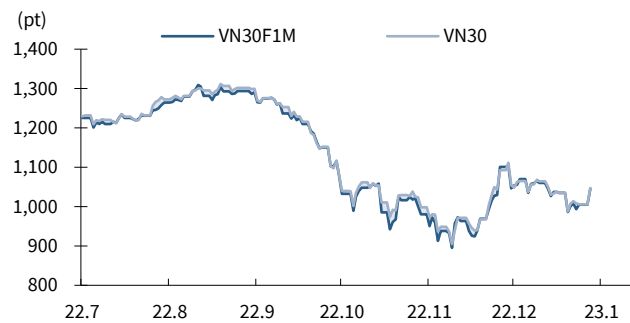
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,047.25 (+4.18%)
VN30F1M	1,045.5 (+4.08%)
Mở cửa	999.8
Cao nhất	1,045.5
Thấp nhất	999.8

Các HĐTL tăng điểm, cùng chiều với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2301 và chỉ số Vn30 biến động với biên độ âm quanh mức -10 điểm trong suốt phiên giao dịch cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, đóng cửa ở mức thấp nhất phiên tại -1.75 điểm. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ trong phiên hôm nay.

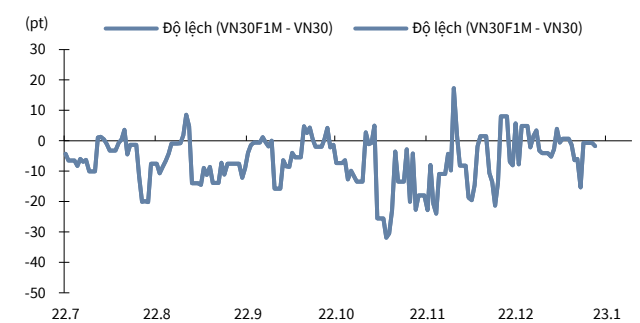
KLGD (HĐ) **319,480 (+16.3%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



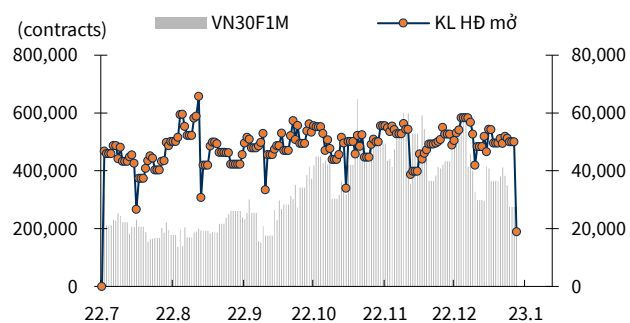
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



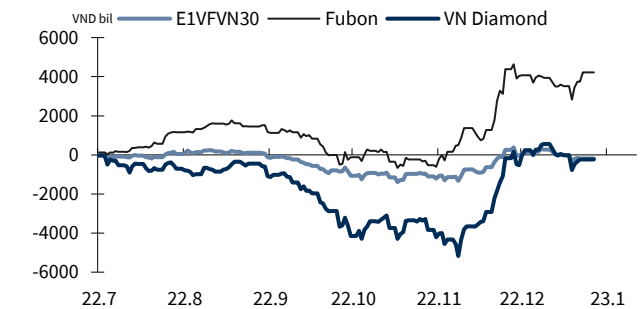
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

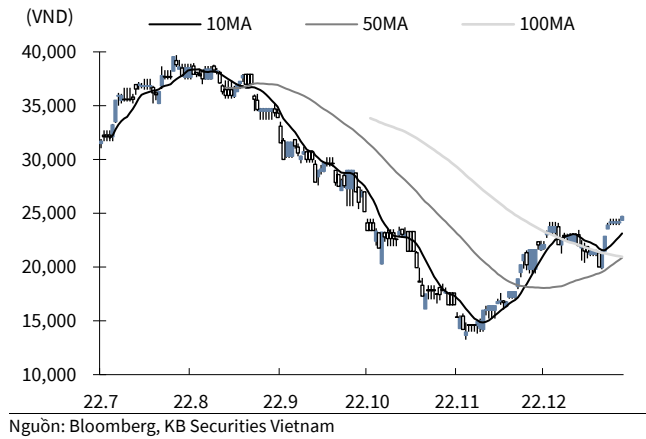
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

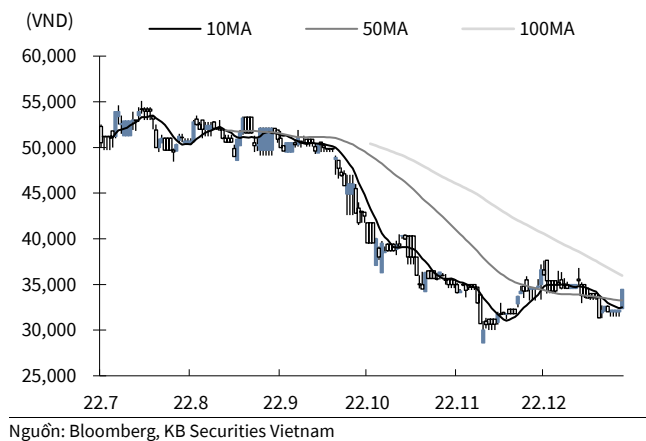
Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP (KBC)



- KBC tăng 2.07% lên 24,700 VND/cp
- Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc cho biết ngày 30/1 sắp tới, công ty sẽ nhận được cổ tức tỷ lệ 330%/cổ phần, tương đương 330,000 đồng/cổ phần từ CTCP KCN Sài Gòn - Hải Phòng (SHP). Với 3.6 triệu cổ phần sở hữu, thông qua đợt cổ tức này, tổng số tiền Kinh Bắc nhận về là 1,188 tỷ đồng.
- Bên cạnh đó, Kinh Bắc đã công bố kế hoạch năm 2023 với mục tiêu doanh thu hợp nhất là 9,000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 4,000 tỷ đồng, lần lượt giảm 8% và 11% so với kế hoạch 2022.

CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)



- FMC tăng 6.99% lên 34,450 VND/cp
- CTCP Thực phẩm Sao Ta công bố doanh số tiêu thụ năm 2022 khoảng 226 triệu USD, tương đương 5,336 tỷ đồng, lợi nhuận hợp nhất là 340 tỷ đồng tăng lần lượt 3% và 18% so với năm trước.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap đầu phiên, VNIndex tiếp tục mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Xung lực tăng điểm tích cực cùng dòng tiền lan toả đến các nhóm ngành đã giúp cho chỉ số chinh phục thành công ngưỡng cản gần quanh 102x, hiện đã đảo vai trò là điểm đỡ gần. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, cơ hội thử thách lại ngưỡng cản quanh 105x của VNIndex đang có phần chiếm ưu thế.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chỉ gia tăng tỷ trọng trading quanh các ngưỡng hỗ trợ gần của cổ phiếu mục tiêu nhưng không chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1063 - 1068

Kháng cự gần: 1052 - 1056

Hỗ trợ gần: 1026 - 1030

Hỗ trợ xa: 1008 - 1012

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, F1 sớm hồi phục và mở rộng đà tăng hưng phấn đến cuối phiên.
- Xung lực tăng điểm tích cực đã giúp cho chỉ số chinh phục thành công ngưỡng cản gần quanh 102x, hiện đã đảo vai trò là điểm đỡ gần. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, cơ hội thử thách lại ngưỡng cản quanh 105x đang có phần chiếm ưu thế.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

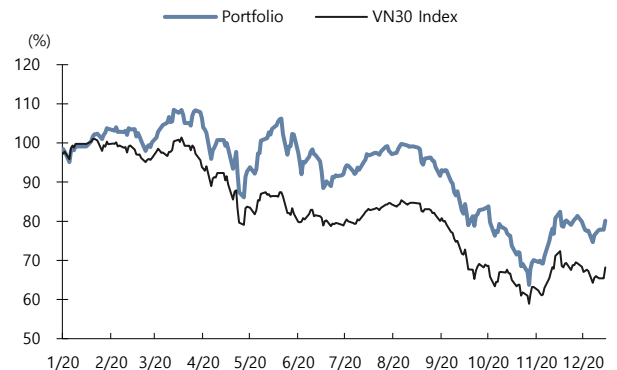
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	4.18%	2.91%
Tăng lũy kế (YTD)	-31.81%	-19.84%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/01/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,950	2.4%	13.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	14,100	6.0%	-50.5%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	89,500	-0.4%	55.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	113,700	0.4%	-40.8%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,500	1.4%	145.2%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	80,000	4.0%	229.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,000	2.8%	48.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	105,000	3.4%	43.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	19,250	6.9%	72.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	24,700	2.1%	140.4%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	6.9%	21.8%	66.5
VNM	3.2%	55.8%	45.1
MSN	3.2%	30.5%	36.4
VIC	5.6%	12.9%	27.5
VHM	2.9%	24.3%	24.6
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DPM	1.4%	19.9%	-36.3
VHC	3.2%	30.2%	-37.5
STB	4.4%	27.0%	-52.7
DGC	1.4%	17.6%	-26.8
PTB	-0.4%	14.9%	-12.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	8.2%	0.7%	8.4
PVS	4.7%	18.9%	1.8
CEO	9.6%	0.8%	1.5
THD	5.9%	0.8%	1.4
SHS	9.5%	6.2%	1.0
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNC	10.0%	2.2%	-0.2
CTC	5.0%	2.0%	-0.2
MBG	10.0%	1.0%	-0.1
TIG	9.1%	9.9%	-0.1
PLC	9.8%	1.1%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	12.3%	HPG, HSG, NKG, KSB
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	10.1%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Chứng khoán	10.0%	SSI, VND, HCM, VCI
Máy móc	9.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	9.0%	PLX, PGC, CNG, GSP
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-2.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vật liệu xây dựng	0.0%	HT1, PTB, GAB, ACC
Thiết bị điện	1.4%	GEX, SAM, CAV, RAL
Thương mại & phân phối	1.8%	VPG, TSC, BTT, TNA
Vận tải hàng không & Logistics	2.0%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thiết bị và dịch vụ năng lượng	14.6%	PVD, PVT
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	11.1%	PLX, PGC, CNG, GSP
Bao bì & đóng gói	9.6%	TDP, SVI, MCP, TPC
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	9.5%	AST, VNG, DSN, DAH
Cơ sở hạ tầng & vận tải	7.5%	GMD, LGC, CII, HAH
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-17.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Quản lý & phát triển bất động sản	-9.9%	VHM, VIC, NVL, BCM
Đồ uống	-5.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Thực phẩm	-4.7%	VNM, MSN, KDC, VHC
Tiện ích khí	-4.7%	GAS, PGD, PMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	179,318 (7.6)	22.5	29.1	36.0	14.7	7.0	5.3	2.1	2.0	5.6	7.4	-	17.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	145,650 (6.1)	26.6	6.7	5.7	35.9	22.3	21.4	1.4	1.2	2.9	5.1	-	13.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	77,723 (3.3)	17.8	25.6	17.7	-7.6	7.8	10.6	2.0	1.8	6.8	14.5	-	10.9
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	519,034 (21.8)	31.3	4.9	3.6	6.7	10.8	13.1	0.5	0.3	4.6	4.3	-	38.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	61,345 (2.6)	11.6	16.9	15.0	13.7	11.1	11.4	1.7	1.6	5.7	13.6	-3.8	5.7
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	199,692 (8.4)	13.9	9.8	11.3	-	8.3	6.4	0.7	0.6	6.7	10.6	-6.8	6.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	117,056 (4.9)	6.3	14.2	12.4	11.7	20.6	18.7	2.9	2.4	3.3	4.7	-2.8	3.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	68,706 (2.9)	12.7	13.2	10.2	-5.3	18.1	18.8	2.1	1.7	6.7	6.2	0.0	6.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	184,042 (7.8)	0.0	4.6	4.4	14.3	20.8	17.8	0.9	0.7	6.2	6.8	-4.7	6.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	107,533 (4.5)	1.4	8.5	7.7	50.3	16.3	17.6	1.3	1.2	2.8	7.5	0.2	2.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	471,426 (19.9)	0.0	6.5	7.3	18.8	21.3	16.1	1.2	1.1	3.4	7.6	6.9	3.4
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	201,369 (8.5)	0.0	4.6	4.0	14.6	24.9	22.9	1.0	0.8	5.3	7.1	-4.3	5.3
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	51,435 (2.2)	4.2	5.1	4.8	23.3	23.2	20.9	1.1	0.9	3.4	1.5	0.0	3.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	517,086 (21.8)	14.0	-	-	26.5	13.5	16.6	1.1	1.0	4.4	7.3	12.7	4.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	176,282 (7.4)	0.0	6.3	5.8	37.4	20.7	18.4	1.1	0.9	4.0	4.3	-3.9	4.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	91,370 (3.9)	0.2	-	-	27.3	17.7	14.6	-	-	-2.0	4.6	27.4	-2.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	32,847 (1.4)	21.0	21.3	18.1	15.8	7.8	9.0	1.6	1.6	2.4	4.8	-1.0	2.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	4,707 (0.2)	14.2	11.3	10.1	9.1	12.8	13.7	1.0	1.0	5.6	13.5	-0.9	5.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	430,583 (18.1)	55.4	13.8	16.1	-3.2	9.8	8.1	-	-	6.8	10.9	-2.8	6.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	196,593 (8.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	6.9	8.0	-1.2	6.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	146,411 (6.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	7.0	8.4	-4.5	7.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	496,342 (20.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	6.7	10.3	3.6	6.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	167,651 (7.1)	42.1	19.6	17.3	4.0	26.5	29.6	4.8	4.8	3.2	3.3	-6.5	3.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	35,365 (1.5)	36.9	20.8	18.8	7.3	23.5	22.8	4.5	3.9	1.3	-2.3	-4.5	1.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	86,487 (3.6)	16.5	30.6	23.2	-51.9	11.1	14.4	3.6	3.4	3.2	4.9	-7.6	3.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	27,049 (1.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	5.0	9.3	-4.6	5.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	43,188 (1.8)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	2.0	2.6	4.9	2.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	14,438 (0.6)	10.8	16.4	12.9	-57.0	13.9	13.3	2.0	1.8	1.3	3.1	-2.1	1.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	69,055 (2.9)	38.4	4.2	20.5	65.7	16.0	3.0	0.6	0.6	7.0	13.1	-	11.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	246,111 (10.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	6.9	2.7	-	12.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	17,058 (0.7)	3.6	-	15.7	-52.4	-0.8	2.0	0.3	-	7.0	8.1	-4.9	7.0
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	31,033 (1.3)	0.0	10.0	10.7	-4.5	17.4	14.2	1.7	1.5	1.4	3.1	-7.1	1.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	33,381 (1.4)	46.1	14.1	14.6	-17.5	25.3	22.1	3.4	3.1	3.4	2.3	-5.6	3.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	14,822 (0.6)	31.4	10.1	8.8	-10.5	19.8	19.9	-	-	1.0	4.1	8.6	1.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,089 (0.0)	34.1	14.5	7.4	-5.1	6.2	11.7	-	-	3.6	3.1	-1.9	3.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	612,829 (25.8)	18.0	11.9	10.0	21.9	10.6	12.0	1.1	1.1	6.9	12.6	-1.0	6.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	68,901 (2.9)	36.5	3.6	5.4	-0.5	38.3	23.7	1.3	1.1	1.4	4.1	5.4	1.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	82,240 (3.5)	46.5	3.7	6.2	-4.5	45.7	22.8	1.5	1.3	2.8	5.2	-6.0	2.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	203,330 (8.6)	38.9	9.4	6.1	67.9	7.0	10.0	0.6	0.5	6.9	12.3	0.4	6.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	18,175 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	4.7	7.0	-9.3	4.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	22,300 (0.9)	4.6	69.2	14.9	-51.0	4.9	10.5	1.7	1.7	3.9	9.1	4.8	3.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	108,730 (4.6)	39.9	-	23.2	-11.9	-1.1	2.9	0.8	0.8	3.9	5.4	13.5	3.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	44,636 (1.9)	35.9	9.3	8.8	2.2	14.7	14.5	1.3	1.1	1.8	11.2	12.0	1.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	113,144 (4.8)	0.0	14.1	11.8	14.4	20.2	19.9	2.5	2.2	2.4	3.2	-6.5	2.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	20,504 (0.9)	0.0	16.6	14.6	2.4	24.5	22.2	3.4	2.8	-0.4	10.5	3.8	-0.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,463 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	4.9	3.1	-9.2	4.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	58,240 (2.5)	30.3	21.6	19.3	-75.2	22.0	20.7	4.3	3.6	2.3	5.5	0.9	2.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	24,563 (1.0)	34.6	6.5	7.6	41.2	28.7	22.5	1.7	1.6	4.1	7.2	-10.9	4.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	666 (0.0)	45.4	12.2	11.5	10.7	22.0	21.1	2.7	2.4	1.8	2.2	2.5	1.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	76,040 (3.2)	0.0	16.5	14.0	15.5	27.4	28.1	4.0	3.5	4.0	4.7	3.4	4.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Nguyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.